

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02/3/2021

V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Thanh Long.

+ Ông Tô Đình Phương.

Thư lý Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Lựu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (có đơn xin xử vắng mặt ghi ngày 01/3/2021).

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân C, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn Lg, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (vắng mặt lần hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019 và các lời khai nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T yêu cầu:

1.1. Chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Xuân C có tìm hiểu và đi đến với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 09 tháng 11 năm 2005; sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, quan điểm sống của chị và anh C khác nhau, anh C vô kể đánh đập chị, cả hai gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thành, đỉnh điểm của mâu thuẫn đầu tháng 11 năm

2019 chị và anh C không sống chung với nhau như vợ chồng và cũng từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân C.

1.2. Về con chung: Chị và anh Trần Xuân C có hai cháu tên Trần Yến Nh, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2007 và Trần Gia H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2011 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con một cháu 900.000 đồng (hai cháu là 1.800.000 đồng).

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.1. Bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2020 anh Trần Xuân C trình bày về điều kiện sống chung cũng như kết hôn giống như chị Trần Thị Thanh T khai, nguyên nhân mâu thuẫn do làm ăn kinh tế khó khăn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2019 chị T bỏ đi cho đến nay, anh có nói chị T về nhưng chị T vẫn không về, nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì hiện nay anh vẫn còn thương chị T nên anh yêu cầu đoàn tụ.

2.2. Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thanh T có hai cháu như chị T khai nếu Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì hai con ở với anh thì anh nuôi và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nếu ở với chị T thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bài phát biểu của vị đại diện Viện KSND huyện P tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung giao hai cháu Nh và H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng .

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Xuân C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí HN-ST: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thanh T.

1.2. Anh Trần Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Xuân C.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Xuân C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 09/11/2005; Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do làm ăn kinh tế khó khăn nhưng chị T và anh C không thông cảm và khắc phục, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh C có hành vi bạo lực đánh đập chị T, đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu tháng 12 năm 2019 chị T và anh C không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh C không đồng ý vì còn thương chị T nhưng anh C cũng không đưa ra giải pháp nào khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, tại phiên tòa hôm nay anh C cố tình lẩn tránh. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T là phù hợp với qui định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về con chung:* Chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Xuân C có hai con chung tên Trần Yên Nh, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2007 và Trần Gia H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2011 hiện đang sống với chị T, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai cháu và hai cháu có nguyện vọng ở với chị T, nguyện vọng này của chị T là chính đáng, Tòa đã triệu tập anh C nhiều lần cũng như tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn cố tình lẩn tránh; nghĩ nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Yên Nh, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2007 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2011 cho chị Trần Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và thực tế cuộc sống.

4. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Trần Thị Thanh T yêu cầu anh Trần Xuân C cấp dưỡng nuôi con một tháng 900.000 đồng cho một cháu (hai cháu là 1.800.000 đồng) là phù hợp với thực tế cuộc sống ở huyện P, nhưng anh C không đồng ý, căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận .

5. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Trần Thị Thanh T và anh Trần Xuân C không yêu cầu nên HĐXX không xét.

6. *Về án phí HNST:* Chị Trần Thị Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 117 Luật HNGĐ.

Tuyên xử:

{1}. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Xuân C.

{2}. Về con chung: Giao hai cháu Trần Yến Nh, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2007 và Trần Gia H, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2011 cho chị Trần Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

{3}. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Xuân C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Nh và H một tháng, một cháu 900.000 đồng (hai cháu 1.800.000 đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu Nh, cháu H trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

{4}. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

{5}. Về án phí HNST: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng chị T đã nộp dự phí khởi kiện xin ly hôn 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007266 ngày 06/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P nay được khấu trừ.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh Trần Xuân C phải chịu 300.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hay tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 5 Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

Cao Văn Đức